TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Số: 05/2025/QĐST-VDS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 22 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Công nhận nuôi con nuôi thực tế

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Đoàn Mạnh Quang

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thơm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Vương Thị Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 23/2025/TLST-VDS ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc yêu cầu "Công nhận nuôi con nuôi thực tế", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2025/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Chị Nguyễn Thị T (theo căn cước công dân là Vũ Thị T), sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn QL, xã MH, huyện PC, tỉnh Hưng Yên (nay là: Thôn QL, xã MH, tỉnh Hưng Yên) *"có mặt"*

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn GL, xã LX, huyện TL, Hưng Yên (nay là: Thôn GL, xã TH, tỉnh Hưng Yên) *"có mặt"*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu: Luật sư Phạm Thế Nam - Văn phòng Luật sư Phúc Sơn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hưng Yên *"có mặt"*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ việc, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn L trình bày:

Chị T anh L là hai chị em ruột có bố đẻ là ông Nguyễn Văn A, mẹ đẻ là bà Bùi Thị V. Ông A bà V chết khi chị T, anh L còn nhỏ nên được bà Bùi Thị Kh, sinh năm 1947 là chị em con chú con bác với bà V nhận về làm con nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 1985. Chồng bà Kh là ông Vũ Xuân Th tham gia quân đội là liệt sỹ hy sinh ngày 03/06/1973 nên ông bà không có con chung. Bà Kh đã nhận nuôi chị T anh L từ nhỏ cho đến khi trưởng thành, dựng vợ gả chồng cho cả hai. Năm 2003 anh L lấy vợ trực tiếp ở cùng bà Kh. Năm 2008 chị T xây dựng gia đình tại xã MH, tỉnh Hưng Yên nhưng vẫn thường xuyên về thăm nom bà Kh, thực hiện đầy đủ nghĩa

vụ của một người con. Khi bà Kh ốm đau, bệnh tật chị T, anh L là người thuốc thang chữa bệnh và trực tiếp chăm sóc phụng dưỡng. Ngày 08/11/2022 bà Kh chết, anh L là người đứng lên lo ma chay, thờ cúng, giỗ chạp vợ chồng bà Kh ông Th, làm tròn bổn phận của người con đối với cha mẹ.

Chị T được bố mẹ đẻ làm giấy khai sinh ngày tên là Nguyễn Thị T nhưng theo căn cước công dân tên Vũ Thị T vì khi đi đăng ký làm căn cước công dân, bà Kh đã khai họ cho chị T theo họ của chồng là ông Vũ Xuân Th.

Những người làm chứng là ông Nguyễn Bá O (em rể bà Kh), ông Mai Văn N, ông Nguyễn Bá S và ông Doãn Văn K là những người hàng xóm của bà Kh đều cung cấp thông tin và xác nhận: Bà Bùi Thị Kh và ông Vũ Xuân Th không có con nên vào năm 1985 đã nhận chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn L về nuôi. Việc bà Kh và chị em anh L có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như mẹ con là thật. Khi bà Kh già yếu, ốm đau, qua đời hoàn toàn do chị em anh L là người lo liệu ma chay, giỗ chạp. Nay chị T, anh L đề nghị Tòa án công nhận là con nuôi thực tế của bà Kh, các ông đều đề nghị Tòa án giải quyết công nhận việc anh L, chị T là con nuôi của bà Kh.

UBND xã Tiên Hoa cung cấp: Theo các sổ sách lưu trữ thì không có tài liệu nào thể hiện quan hệ nuôi con nuôi giữa bà Bùi Thị Kh với chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn L nhưng quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng giữa bà Kh với chị T anh L là sự thật. Nay chị T, anh L đề nghị Tòa án công nhận là con nuôi thực tế của bà Kh, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, chị T anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu đề nghị Toà án công nhận chị T anh L là con nuôi của bà Bùi Thị Kh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên. Thẩm phán, Thư ký phiên họp tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự. Người yêu cầu chấp hành, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 24 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; điểm 1 tiểu mục A mục III Thông tư số 81/TANDTC ngày 24/07/1981 của Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế; điểm a mục 6 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 11 Điều 29, Điều 35, Điều 39, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 36, Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T (còn có tên gọi khác là Vũ Thị T), anh Nguyễn

Văn L. Công nhận chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn L là con nuôi thực tế của bà Bùi Thị Kh. Về lệ phí: Chị T, anh L phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án công nhận là nuôi con nuôi thực tế của bà Bùi Thị Kh. Anh L có địa chỉ tại Thôn GL, xã LX, huyện TL, tỉnh Hưng Yên (nay là Thôn GL, xã TH, tỉnh Hưng Yên), chị T có địa chỉ tại thôn QL, xã MH, huyện PC, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn QL, xã MH, tỉnh Hưng Yên) nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên theo quy định tại khoản 11 Điều 29; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T được bố mẹ đẻ đăng ký khai sinh ngày 13/6/1980 tại UBND xã AL, huyện TY, tỉnh Hoàng Liên Sơn cũ (sau khi sáp nhập hiện nay là phường AL, tỉnh Lào Cai) sinh ngày 05/6/1980. Khi đi làm chứng minh thư nhân dân 09 số lần đầu ngày 01/5/1999 tại Công an tỉnh Hưng Yên lại khai là Vũ Thị T sinh ngày 01/5/1980. Căn cước công dân cấp ngày 25/4/2021 với số định danh cá nhân 033180006247 tên là Vũ Thị T sinh ngày 01/5/1980. Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã thu thập được, Toà án xác định chị Nguyễn Thị T sinh ngày 05/6/1980 và chị Vũ Thị T, sinh ngày 01/5/1980 là một người.

[2]. Về nội dung: Bố mẹ đẻ chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn L là ông Nguyễn Văn A bà Bùi Thị V chết khi anh chị còn nhỏ (bà V mất năm 1983, ông A mất năm 1985). Chị T, anh L không có người chăm sóc nên đã được bà Bùi Thị Kh là chị em con chú con bác với bà Bùi Thị V nhận về nuôi dưỡng chăm sóc từ năm 1985. Chồng bà Kh là ông Vũ Xuân Th hy sinh nên ông bà không có con chung. Bà Kh đã nhận nuôi chị em anh L từ nhỏ cho đến khi trưởng thành, dựng vợ gả chồng cho cả hai. Chị T xây dựng gia đình tại xã MH, tỉnh Hưng Yên nhưng vẫn thường xuyên qua lại chăm sóc và thực hiện nghĩa vụ của một người con. Anh L lấy vợ trực tiếp ở cùng bà Kh tại thôn GL, xã TH, tỉnh Hưng Yên. Khi bà Kh ốm đau, bệnh tật chị T anh L mua thuốc thang, chữa bệnh và trực tiếp chăm sóc phụng dưỡng. Ngày 08/11/2022 bà Kh chết, anh L là người đứng lên lo ma chay, thờ cúng, lo giỗ chạp, chăm lo phần mộ của vợ chồng bà Kh chu toàn, làm tròn bổn phận của người con đối với cha mẹ.

[3]. Như vậy, việc bà Bùi Thị Kh nhận nuôi chị T, anh L là ngay thẳng, các bên hoàn toàn tự nguyện, những người làm chứng đều khẳng định việc bà Kh nhận nuôi dưỡng chị T anh L từ năm 1985 là sự thật. Không ai phản đối, tranh chấp về việc nuôi con nuôi thực tế giữa bà Kh với chị T anh L. Từ khi được nhận nuôi, giữa bà Kh và chị T anh L có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha mẹ con, được

chính quyền địa phương xác nhận. Nhưng vì không hiểu biết pháp luật nên thời điểm nhận nuôi chị T anh L vào năm 1985, bà Kh không đăng ký việc nuôi con nuôi tại cơ quan có thẩm quyền. Đến thời điểm Luật Nuôi con nuôi năm 2010 có hiệu lực, bà Kh cũng không đi đăng ký việc nuôi con nuôi. Đến nay, hai chị em có nguyện vọng thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi thì bà Kh đã chết nên không thực hiện được. Do vậy, chị T anh L đề nghị Tòa án công nhận anh chị là con nuôi thực tế của bà Kh.

[4]. Xét yêu cầu của chị T, anh L là phù hợp với quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Thông tư số 81/TANDTC ngày 24/07/1981 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế; Nghị quyết số 01/NQHĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và điều kiện, hoàn cảnh thực tế của các bên nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T anh L, công nhận anh chị là con nuôi thực tế của bà Bùi Thị Kh.

[5] Quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu không có yêu cầu gì khác nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Về lệ phí: Chị T, anh L phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

[7]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 1- Hưng Yên tại phiên họp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 24 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; điểm 1 tiểu mục A mục III Thông tư số 81/TANDTC ngày 24/07/1981 của Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế; điểm a mục 6 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 11 Điều 29, Điều 35, Điều 39, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị T (tên theo căn cước công dân là Vũ Thị T, sinh ngày 01/5/1980; số căn cước công dân 033180006247 cấp ngày 25/4/2021), anh Nguyễn Văn L.

Xác định chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn L là con nuôi thực tế của bà Bùi Thị Kh. Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn L có đầy đủ quyền và nghĩa vụ là con nuôi của bà Bùi Thị Kh kể từ thời điểm có quan hệ nuôi dưỡng.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn L mỗi người phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 0001154, 0001155 ngày 10 tháng

6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Hưng Yên). Chị T, anh L đã nộp đủ lệ phí.

3. Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND khu vực 1- Hưng Yên
- Phòng THADS khu vực 1- Hưng Yên
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- UBND xã TH
- Phòng KTNV Toà án tỉnh
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang